

Số: 52/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 26/7/1990.

Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Thành Đ**, sinh ngày 13/8/1990.

Địa chỉ: ấp H1, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Nguyễn Thanh T và anh Phạm Thành Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Ngọc Thiên A, sinh ngày 09/4/2018 cho chị Phạm Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Nguyễn Thanh T và anh Phạm Thành Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001195 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, còn lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) hoàn trả lại cho chị T.

Anh Phạm Thành Đ có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01, ngày 13/7/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Tám